

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 292/2024/DS-ST

Ngày: 06 – 9 – 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn H Kha

2. Ông Huỳnh H Khởi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố ,
tỉnh Cà Mau.

Trong các ngày 05, 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C,
tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 440/2024/TLST-DS ngày 02 tháng
7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 357/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Huy H**, sinh năm: 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TAK, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/6/2024): Anh

Liên Hoàng Kh, sinh năm: 1997. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà **Trần Kim Đ**, sinh năm: 1972. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm E, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nguyễn Thị H2**, sinh năm: 1968.
(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TH, xã TAK, huyện DD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa, anh Liên Hoàng Kh (đại diện hợp pháp của nguyên đơn) trình bày và
xác định yêu cầu của nguyên đơn như sau: Do ông Nguyễn Huy H có quan hệ quen biết
với bà Trần Kim Đ, bà Đ có nhu cầu sử dụng tiền nên nhờ ông H hốt hui cho bà Đ mượn
tiền để sử dụng. Ông H đồng ý nên đã hốt chung hui ông tham gia do bà Nguyễn Kim Th
làm chủ hui (bà Th có địa chỉ tại khóm 2, thị trấn DD, huyện DD, tỉnh Cà Mau). Ông H

hốt hui được số tiền 91.440.000 đồng. Ông H giữ lại 5.000.000 đồng và đã đưa cho bà Trần Kim Đ số tiền 86.440.000 đồng vào ngày 09/8/2023. Bà Đ đã nhận số tiền 86.440.000 đồng và ký vào biên nhận. Nay ông H thay đổi yêu cầu khởi kiện: Ông H không yêu cầu bà Đ trả ông số tiền hui chết ông H phải đóng và đã đóng cho bà Th 26 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng. Ông H chỉ yêu cầu bà Đ trả ông số tiền 86.440.000 đồng đã mượn của ông ngày 09/8/2023.

Tại phiên toà, bà Trần Kim Đ trình bày: Trước đây bà và ông Nguyễn Huy H có thời gian tìm hiểu và quan hệ tình cảm với nhau. Thời gian quen nhau bà từng cho ông H mượn tiền nhiều lần. Đến khi không còn mối quan hệ tình cảm, ông H có yêu cầu bà ký nhận tiền thì ông H mới trả tiền cho bà. Do đó bà có ký nhận vào tờ giấy do ông H viết sẵn nội dung nhưng bà không đọc lại nội dung ông H viết. Bà Đ thừa nhận chữ ký và chữ viết “Trần Kim Đ” trong bản chính biên nhận do đại diện nguyên đơn giao nộp cho Toà án ngày 06/8/2024 là chữ ký và chữ viết của bà. Bà Đ trình bày bà chỉ nhận từ ông H 49.000.000 đồng, không phải 86.440.000 đồng như nội dung biên nhận bà đã ký. Bà Đ xác định bà không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh bà chỉ nhận từ ông H 49.000.000 đồng nên bà đồng ý trả cho ông H số tiền 86.440.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị H2: Tại đơn xin vắng mặt đứng tên Nguyễn Thị H do bà H gửi cho Toà án (gửi ngày 16/8/2024, Toà án nhận ngày 19/8/2024), bà H2 trình bày với nội dung: Do công việc đi làm ăn nên không thể tham dự theo giấy triệu tập của Toà án. Bà H2 đề nghị được vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ, trong các buổi làm việc và các phiên xét xử của Toà án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Huy H xác định ông H yêu cầu bà Trần Kim Đ trả cho ông H số tiền ông H đã cho bà Đ mượn. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bà Đ cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Bà Nguyễn Thị H2 yêu cầu được vắng mặt tại phiên toà xét xử nên Toà án xét xử vụ án vắng mặt bà H2 theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Huy H trình bày ông H đã đưa bà định mượn số tiền 86.440.000 đồng; nay ông H yêu cầu bà Đ trả ông H số tiền 86.440.000 đồng đã mượn. Tại phiên toà bà Đ đồng ý trả cho ông H số tiền 86.440.000 đồng theo yêu cầu của ông H nên có căn cứ chấp nhận. Bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông H) không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền 86.440.000 đồng nêu trên nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy H được chấp nhận nên bà Trần Kim Đ phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy H.

Buộc bà Trần Kim Đ thanh toán cho ông Nguyễn Huy H số tiền 86.440.000 đồng (*tám mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Nguyễn Huy H có đơn yêu cầu thi hành án, bà Trần Kim Đ không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Trần Kim Đ phải chịu 4.322.000 đồng (chưa nộp). Bà Trần Kim Đ phải nộp án phí khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Nguyễn Huy H không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Huy H được hoàn lại án phí ông H đã dự ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai thu số 0008937) với số tiền 1.250.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

3 - Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Huy H, bà Trần Kim Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hân